

Số: 56/2021/QĐST-HNGĐ

T, ngày 19 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 394 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 36/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*

**Ông Tr. Th. N**

Sinh năm 1981

**Bà L. Th. Ng. T**

Sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: 47/11 Đường TĐ Phường H thành phố T tỉnh L.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà L. Th. Ng. T và ông Tr. Th. N là vợ chồng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 Quyền số 02/2009 của Ủy ban nhân dân Phường 2 thành phố T tỉnh L, ngày đăng ký kết hôn là ngày 25 tháng 01 năm 2010. Sau khoảng hai năm tìm hiểu, ông N và Bà T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008. Đến năm 2010, mới đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, vợ chồng chung sống không hòa hợp. Tình cảm vợ chồng không còn nên ông Tr. Th. N và bà L. Th. Ng. T nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý việc dân sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 29, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân thành phố T đã tiến hành hòa giải nhưng ông N và Bà T kiên quyết ly hôn. Do đó, ngày 11 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố T lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Tại phiên hòa giải, ông N và Bà T đã thống nhất ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

[3] Về con chung, ông N và Bà T có một người con chung, tên là Tr. L. N.P, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2008. Ông N và Bà T thống nhất: Sau khi ly hôn, bà L. Th. Ng. T là người trực tiếp nuôi con chung, ông Tr. Th. N cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi con chung đủ mười tám tuổi. Điều này, cũng phù hợp nguyện vọng của con chung, thể hiện tại Biên bản ghi ý kiến con chung vào ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, ông N và Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có người yêu cầu nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà L. Th. Ng. T là người trực tiếp nuôi con chung, tên là Tr. L. N.P, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2008; Ông Tr. Th. N cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi con chung đủ mười tám tuổi.

Ông Tr. Th. N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở ông N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định

2. Về lệ phí: Ông Tr. Th. N và bà L. Th. Ng. T chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông N và Bà T đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0005357 ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T tỉnh L) thành lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

## **THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***

- Những người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn ;
- Lưu hồ sơ

**Phạm Thị Thanh Thảo**